

Số: 69/2019/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Văn Hoàng, sinh ngày 03 - 10 - 2008 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 22 - 12 - 2011. Ly hôn, chị M và anh H thoả thuận thống nhất giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn

Thị L, sinh ngày 22 - 12 - 2011 đến khi thành niên và giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Văn Hoàng, sinh ngày 03 - 10 - 2008 đến khi thành niên. Chị M và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003461 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chị Nguyễn Thị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TX Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Bùi Thị Tố Nga